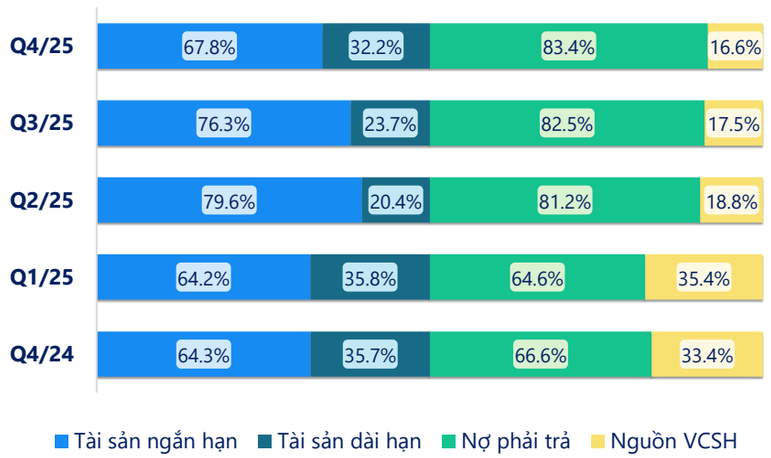
FireAnt

CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	66,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	90,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,800
SL cổ phiếu LH	899,787,308
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,045
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	59,836
P/E	7.2
EPS	9,211

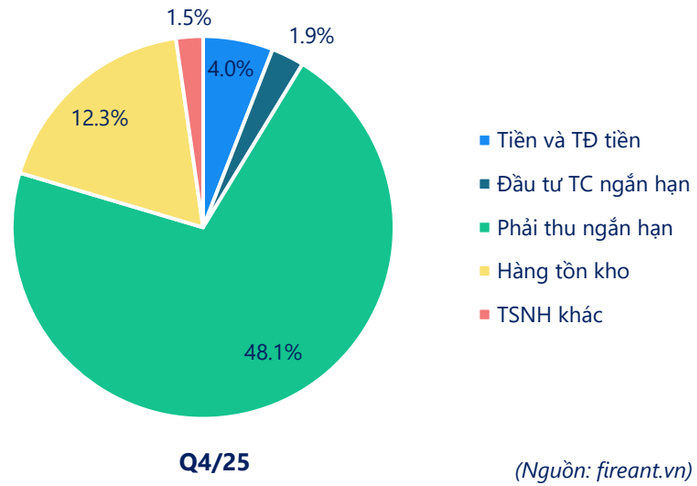
	YTD	1T	3T	6T
KSF	63.8%	-7.5%	-26.4%	1.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



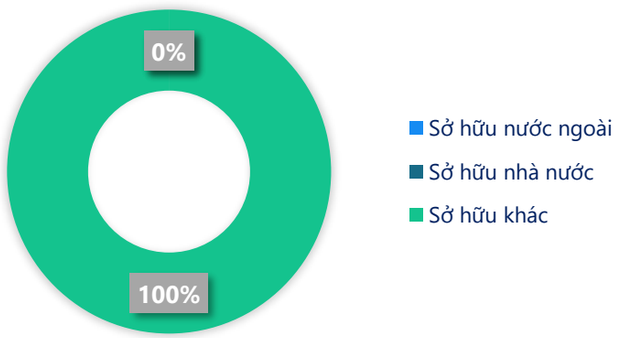
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



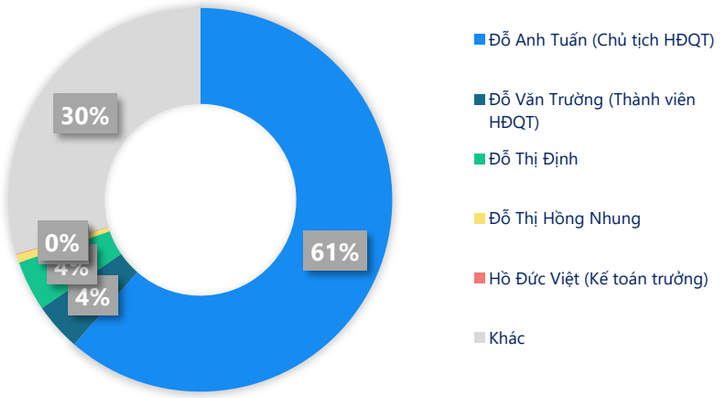
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



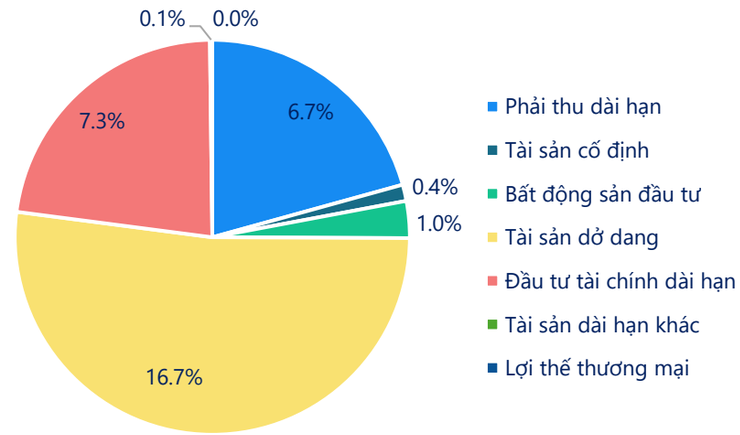
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

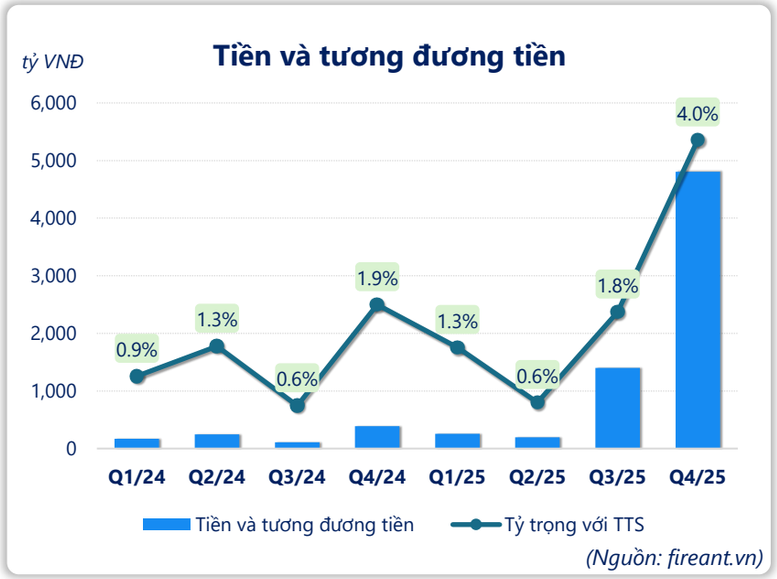
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



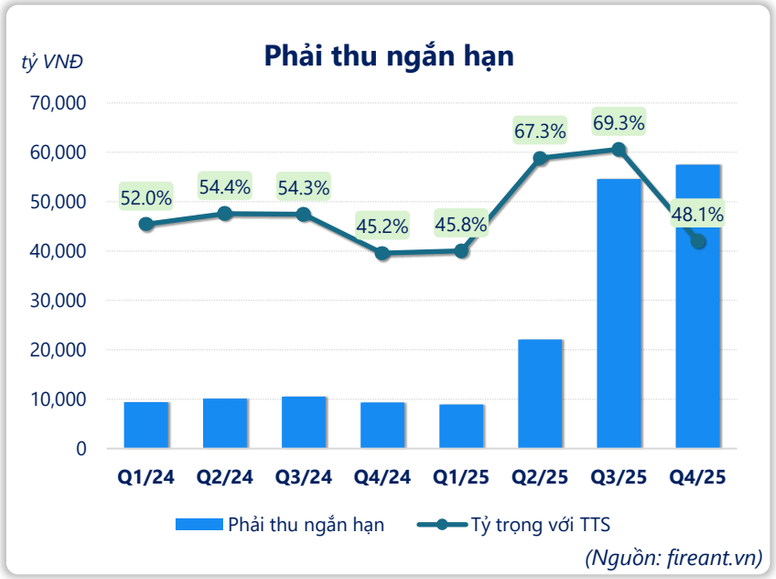
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

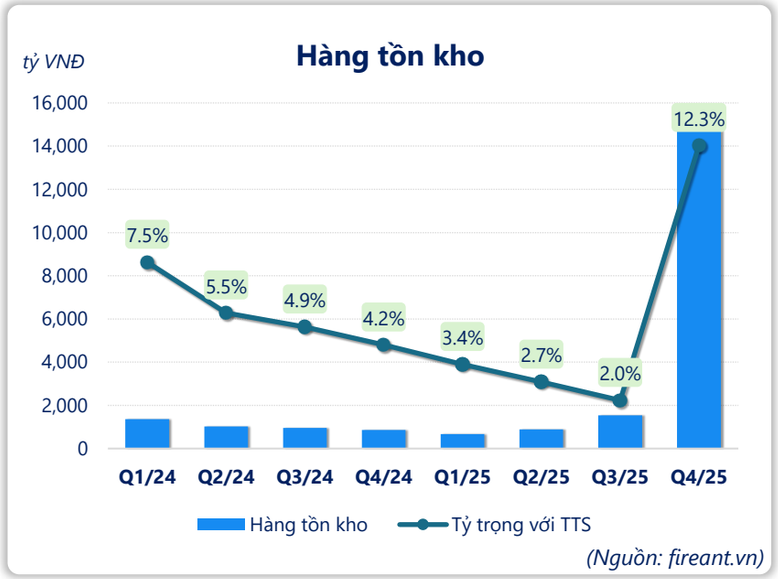
CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)



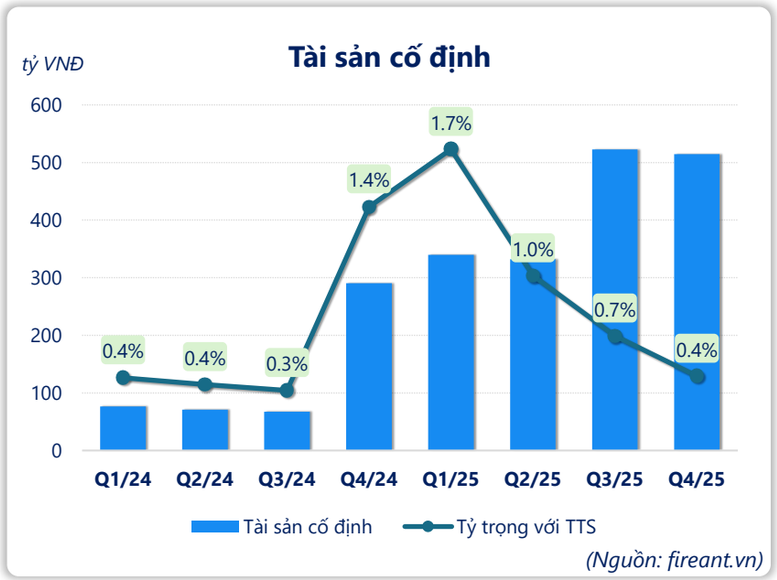
(Nguồn: fireant.vn)



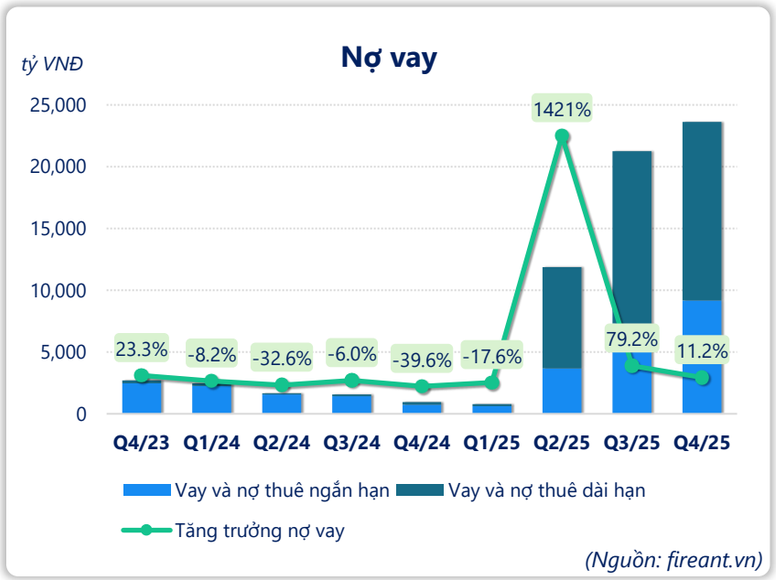
(Nguồn: fireant.vn)



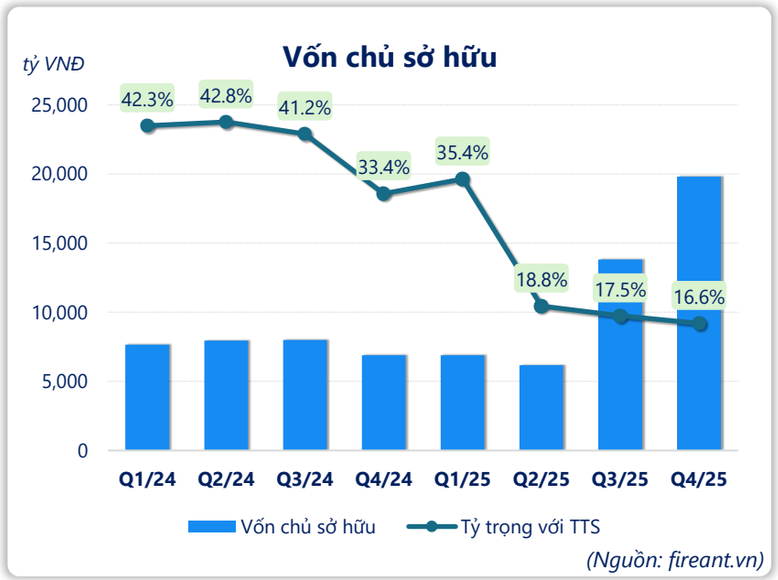
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

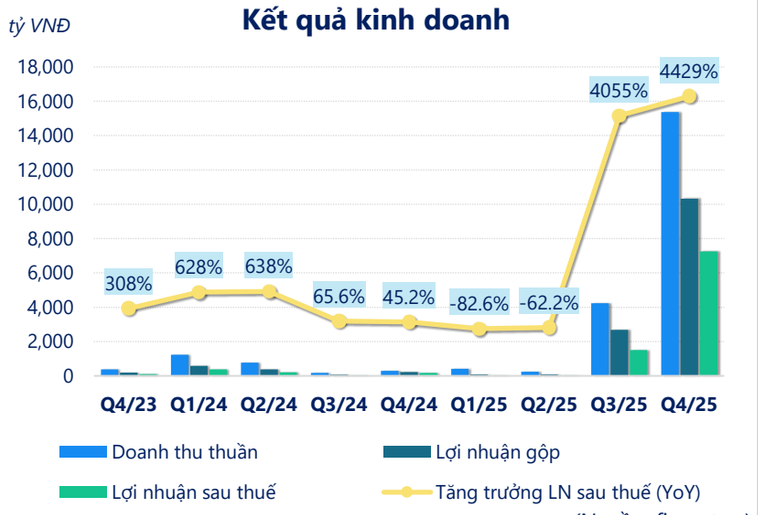


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

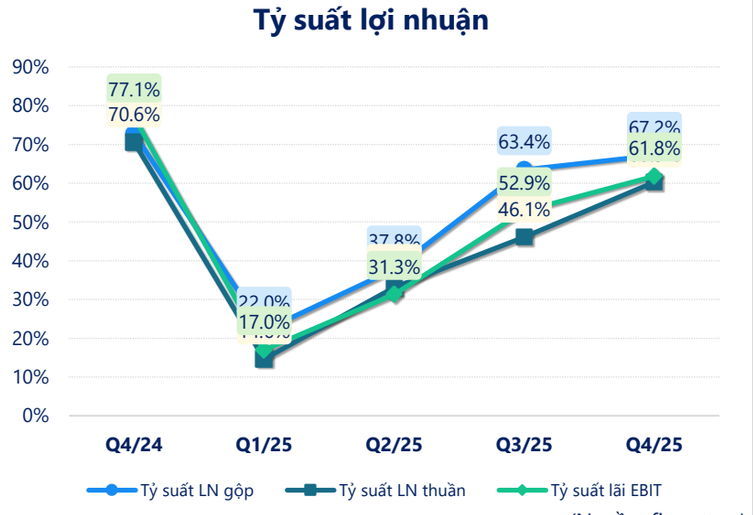
CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Kết quả kinh doanh



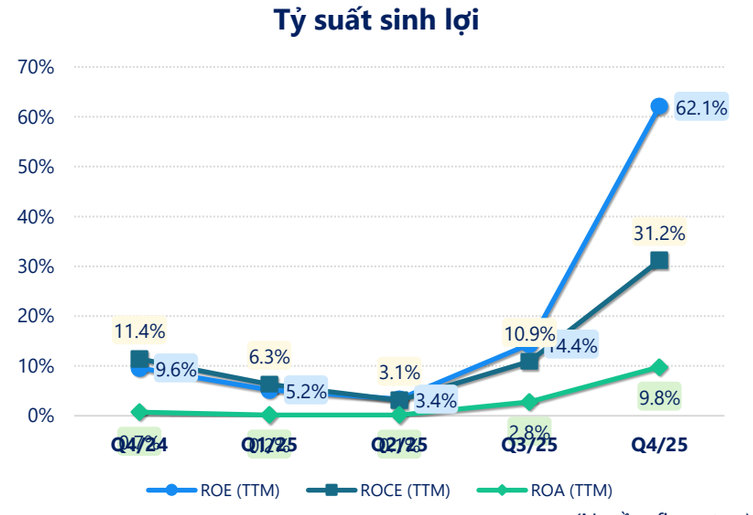
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



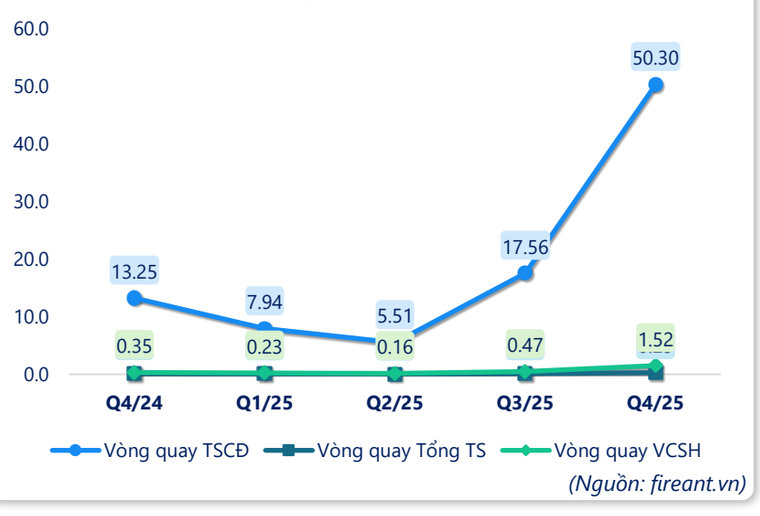
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



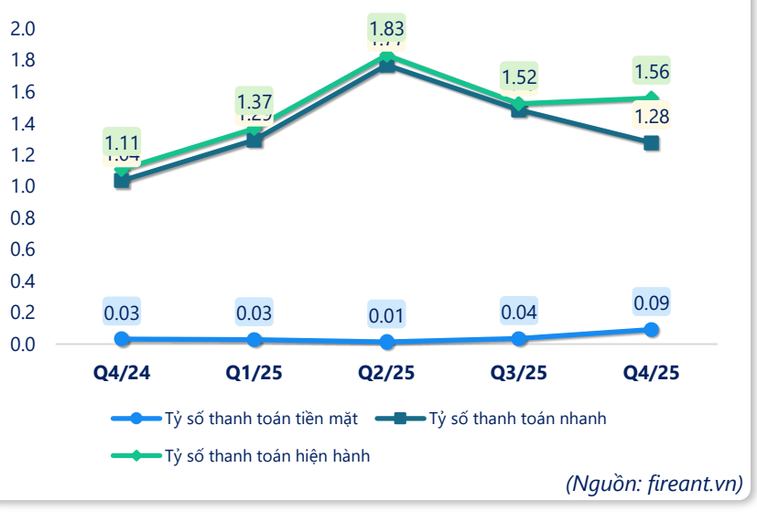
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



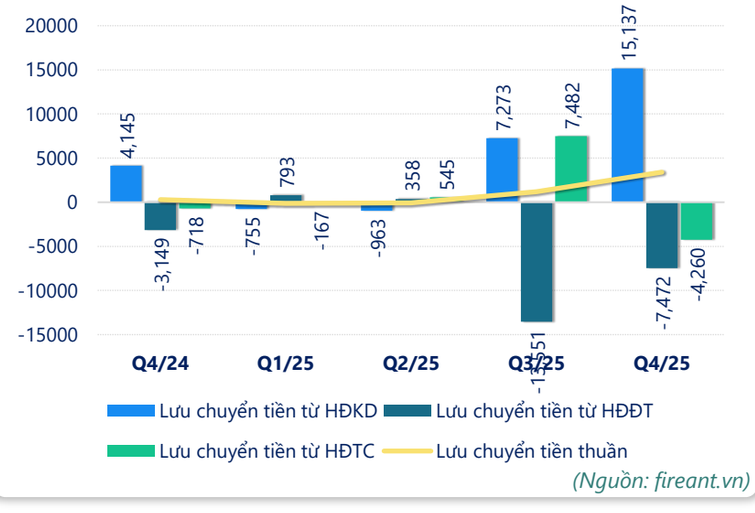
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**119,581**	**20,558**	**482%**
Tài sản ngắn hạn	81,072	13,425	504%
Tiền và tương đương tiền	4,806	386	1145%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,244	2,153	4.2%
Phải thu ngắn hạn	57,488	9,323	517%
Hàng tồn kho	14,687	866	1597%
Tài sản ngắn hạn khác	1,847	697	165%
Tài sản dài hạn	**38,509**	**7,133**	**440%**
Phải thu dài hạn	7,975	1,059	653%
Tài sản cố định	515	348	47.8%
Bất động sản đầu tư	1,164	412	182%
Tài sản dở dang	20,022	2,874	597%
Đầu tư tài chính dài hạn	8,759	2,431	260%
Tài sản dài hạn khác	**74.0**	**7.98**	**827%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99,782	13,679	629%
Nợ ngắn hạn	**51,966**	**8,571**	**506%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,176	737	1144%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,141	451	153%
Nợ dài hạn	47,816	5,108	836%
Vay và nợ thuê dài hạn	14,447	209	6808%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**19,799**	**6,879**	**188%**
Vốn chủ sở hữu	**19,799**	**6,879**	**188%**
Vốn điều lệ	8,998	3,000	200%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	296	414	235	4,233	15,364
Giá vốn hàng bán	80.5	323	146	1,547	5,047
Lợi nhuận gộp	215	91.1	88.9	2,686	10,317
Doanh thu HĐTC	187	137	127	258	573
Chi phí TC	133	119	73.9	449	882
Chi phí lãi vay	19.1	12.2	10.2	317	325
LN trong công ty LKLD	0.02	0.13	-2.36	2.75	0.28
Chi phí bán hàng	19.4	7.08	16.4	501	499
Chi phí QLDN	41.0	41.8	45.3	46.0	245
LN thuần từ HĐKD	209	60.6	77.7	1,950	9,264
Lợi nhuận khác	0.00	-2.34	-14.4	-29.5	-86.5
LN trước thuế	209	58.2	63.3	1,921	9,177
Lợi nhuận sau thuế	166	41.9	41.0	1,508	7,256
LNST của CĐ cty mẹ	142	31.8	36.7	1,358	6,861

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4,145	-755	-963	7,273	15,137
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3,149	793	358	-13,551	-7,472
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-718	-167	545	7,482	-4,260
Tiền đầu kỳ	108	386	257	197	1,401
Lưu chuyển tiền thuần	**278**	**-129**	**-59.9**	**1,204**	**3,405**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	386	257	197	1,401	4,806

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic